

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Xây dựng Huy Hoàng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4208/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa; Quyết định số 5165/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty cổ phần xây dựng Huy Hoàng chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa để thực hiện dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ;

Xét Văn bản số 7004/STNMT-BVMT ngày 02/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa của Công ty Cổ phần xây dựng Huy Hoàng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1173/Tr-STNMT ngày 15/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Xây dựng Huy Hoàng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ của Công ty cổ phần Xây dựng Huy Hoàng thực hiện tại xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa, Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng Huy Hoàng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Hoằng Đạt (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoàng Đạt, huyện
Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần xây dựng Huy Hoàng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ tại xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa.
- Địa điểm thực hiện: tại xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần xây dựng Huy Hoàng;
- + Người đại diện: Ông Nguyễn Huy Hồng; Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Thôn Trù Ninh, xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án thuộc địa giới hành chính thôn Trù Ninh, xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới khu vực dự án cụ thể như sau:
 - + Phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp hiện trạng.
 - + Phía Tây giáp hành lang đường ĐH-HH.17 (tiếp đến là khu dân cư hiện trạng).
 - + Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp hiện trạng.
 - + Phía Nam giáp hành lang đường ĐH-HH.13 (tại Km2 + 100, trái tuyến, chiều dài bám mặt đường khoảng 44,8m).
- Quy mô dự án: Tổng diện tích xây dựng của dự án là 4.192,0 m²; Tổng diện tích sàn xây dựng là 2.400,4 m².
- Công nghệ sản xuất:
 - + Sản xuất các sản phẩm từ gỗ: Nguyên liệu bán thành phẩm → Chà nhám → Lắp ráp thành phẩm → Phun sơn → Sản phẩm hoàn thiện → Trưng bày, xuất bán.
 - + Trưng bày, kinh doanh vật liệu xây dựng: Nhập vật liệu xây dựng (trừ các loại vật liệu rời như cát, đá, sỏi, đất) → Trưng bày → Xuất bán.
- + Công suất:
 - Công suất sản xuất sản phẩm đồ gỗ nội thất của dự án là: 70 bộ bàn ghế, 70 giường, 70 tủ,...
 - Công suất kinh doanh vật liệu xây dựng: 3.500 tấn/năm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải và vệ sinh môi trường; ...)
- Xây dựng: San lấp mặt bằng; Khu nhà xưởng (diện tích xây dựng 635 m², quy mô tầng cao: 03 tầng); 01 nhà điều hành (diện tích 190,8 m², quy mô

03 tầng); 01 nhà ăn + bếp (diện tích 213,8 m², quy mô 01 tầng); 01 Nhà kho (diện tích xây dựng 429,6 m²; quy mô 01 tầng), Khu nhà xưởng (diện tích xây dựng 635 m², quy mô tầng cao: 03 tầng); 01 nhà điều hành (diện tích 190,8 m², quy mô 03 tầng); 01 nhà ăn + bếp (diện tích 213,8 m², quy mô 01 tầng); 01 Nhà kho (diện tích xây dựng 429,6 m²; quy mô 01 tầng) và các công trình bảo vệ môi trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Xây dựng dự án phải chiếm dụng 4.192,0 m² đất lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ gỗ, vật liệu xây dựng phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại. Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh nước thải, chất thải rắn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh trong khoảng 1,32 m³/ngày (trong đó: Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân là 0,66 m³. Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) là 0,66 m³/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển...phát sinh khoảng 5m³/ngày với thành phần nước thải chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, đá, vôi vữa, xi măng. Đặc tính ô nhiễm của các chất thải này là gây cản trở sự khuếch tán oxy vào nước, nước có độ pH cao, gây ảnh hưởng đến cuộc sống các loài thủy sinh trong khu vực.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công có lưu lượng là 18,5 lít/s, hoạt động san gạt mặt bằng kéo theo nhiều bùn đất, cát, rác thải,... gây bồi lắng lưu vực tiếp nhận.

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Quá trình san nền, quá trình thi công, đào đắp, san gạt, quá trình trút đổ vật liệu, quá trình trộn vữa: gây phát sinh bụi, khí thải như: CO, SO₂, NO₂,....

- Hoạt động máy móc thi công: gây phát sinh bụi, khí thải như: VOC, CO, SO₂, NO₂, NO_x...

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, phát sinh các khí thải: bụi bốc bay, CO, SO₂, NO₂.

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 14,2 kg/ngày trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Tổng khối lượng sinh khối thực vật phát quang là: Khoảng 2,1 tấn.

+ Đá, cát rơi vãi trong quá trình xây dựng: Khoảng 17,44 tấn.

+ Các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng khoảng 31,85 tấn.

+ Đất đào bóc phong hóa khối lượng 838,4 m³.

+ Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng có khối lượng 62,4 m³ tương ứng 434,4 tấn.

3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 12,0 kg/giai đoạn thi công. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa, dầu, mỡ thải,...

3.1.5. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.1.6. Các tác động khác:

- Tai nạn lao động: Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra bất ngờ trong nhiều tình huống khác nhau trong quá trình triển khai thi công dự án.

- Sự cố do cháy nổ: Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, việc bất cẩn do sử dụng lửa của công nhân xây dựng gây nên các thiệt hại về người và tài sản.

- Tai nạn giao thông, hư hỏng các tuyến đường giao thông: Trong quá trình thi công vận chuyển nguyên vật liệu trong thời gian dài khiến chất lượng các tuyến đường bị giảm sút và gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên tuyến đường phương tiện đi qua.

- Tác động do lấy đất lúa: Việc lấy đất lúa làm thay đổi cảnh quan, hệ sinh thái khu vực, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không lớn; Ảnh hưởng đến thu nhập do mất vĩnh viễn 4.192 m² đất lúa 02 vụ của 46 hộ dân trong khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, khách đến mua hàng của dự án có lưu lượng khoảng 3,4 m³/ngày đêm. Trong đó: Nước thải nhà vệ sinh: 1,04m³/ngày đêm; nước thải từ nhà ăn: 1,32 m³/ngày đêm; nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo 1,04m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (Coliform),...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 0,071 m³/s. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, ...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông phát sinh bụi bốc bay và các khí thải như: CO, C_xH_y, NO_x, SO₂, Aldehyd, bụi gây tác động ô nhiễm đến môi trường khu vực dự án.

- Quá trình sản xuất gỗ làm phát sinh bụi chủ yếu là bụi gỗ, sơn từ các công đoạn: Mài, chà nhám; sơn tại xưởng sản xuất.

- Khí thải từ hoạt động của các công trình xử lý môi trường: Các hơi khí độc hại như H₂S; NH₃; CH₄, ...phát sinh từ khu tập kết chất thải rắn tạm thời; khâu vận chuyển chất thải rắn; từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh; bể xử lý nước thải).

- Khí thải từ máy phát điện: Quá trình đốt dầu DO để vận hành máy phát điện phát sinh vào không khí các loại khí thải có chứa chất ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí.

3.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án và khách đến giao dịch tại dự án có khối lượng khoảng 14,2 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là pin, bóng đèn neon, ắc quy, vỏ thùng sơn, vỏ lọ keo dán gỗ...từ các hoạt động sinh hoạt, làm việc tại khu vực dự án. Khối lượng này phát sinh là 5 kg/ tháng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình rửa tay chân có lưu lượng là 0,66m³/ngày → Bể lắng của trạm rửa xe bố trí tại khu lán trại (dung tích bể 3,0m³, kích thước 2 m x 1,5 m x 1 m) → Hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm dọc tuyến đường ĐH HH17.

- Nước thải nhà vệ sinh có lưu lượng là 0,66 m³/ngày. Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động có 2 buồng, nhà vệ sinh di động có kích thước: rộng 0,8m; dài 1,2m; cao 2,1m; gồm 3 ngăn (bể chứa chất thải có thể tích 1,8m³). Định kỳ 5 ngày/lần thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật.

b/ Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng (rửa xe, rửa thiết bị) → Bể lắng của khu rửa xe bố trí tại khu vực lán trại có dung tích 3 m³ (dung tích xây dựng 2,0m x 1,5m x 1m), thời gian lắng 2h, bể lắng 2 ngăn, chống thấm đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) → Hệ thống thoát nước chung của khu vực dọc tuyến ĐH HH17.

c/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

Khu vực lán trại và bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc thiết bị: Xây dựng hệ thống rãnh thông thủy, kích thước: 0,3m x 0,4m, có tổng chiều dài khoảng 50 m để thoát nước mưa chảy tràn, trên các đường thoát nước bố trí một hố thu có thể tích 0,5m x 0,5m x 0,5m để lắng sơ bộ các chất rắn lơ lửng chảy vào môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Trang bị 01 máy bơm nước hồ móng để tránh hiện tượng ngập úng khi mưa.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính,...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt khu vực đi qua dân cư trên tuyến đường ĐH HH17 và tuyến đường liên xã.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 30 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công. Thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật (2,1 tấn): Thu gom và hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất đào bóc phong hóa khối lượng 838,4 m³ chủ đầu tư tận dụng để trồng cây xanh diện tích 850,9 m² trong khuôn viên dự án.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá là: 17,44 tấn: Sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng là 31,85 tấn: Công nhân thu gom và tận dụng một phần làm phế liệu, phần còn lại như ván gỗ chủ đầu

tư thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng $62,4 \text{ m}^3$ tương đương 434,4 tấn: Tận dụng để đầm nền sân đường nội bộ.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị tối thiểu 03 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng với thể tích 100 lít/thùng) chứa chất thải rắn và lỏng riêng biệt có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Các thiết bị điện và các đường điện tạm cấp điện sinh hoạt cho công nhân trong các khu lán trại phải thường xuyên được kiểm tra để tránh chập điện gây cháy nổ.

- Quy định phương tiện vận chuyển vật liệu vào dự án không được chạy quá tốc độ quy định trên các tuyến đường vận chuyển; Kịp thời sửa chữa, khắc phục những đoạn đường bị hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu vào dự án gây ra.

- Thực hiện đền bù theo đúng quy định của pháp luật cho những hộ dân bị mất đất lúa.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn từ trên mái được thu gom qua đường ống PVC D110 vào hệ thống cống rãnh có kích thước BxH= 0,6x0,6m; với tổng chiều dài L = 282m, qua các hố ga để lắng cặn tự chảy vào tuyến mương hiện trạng dọc tuyến đường ĐH HH17.

b/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

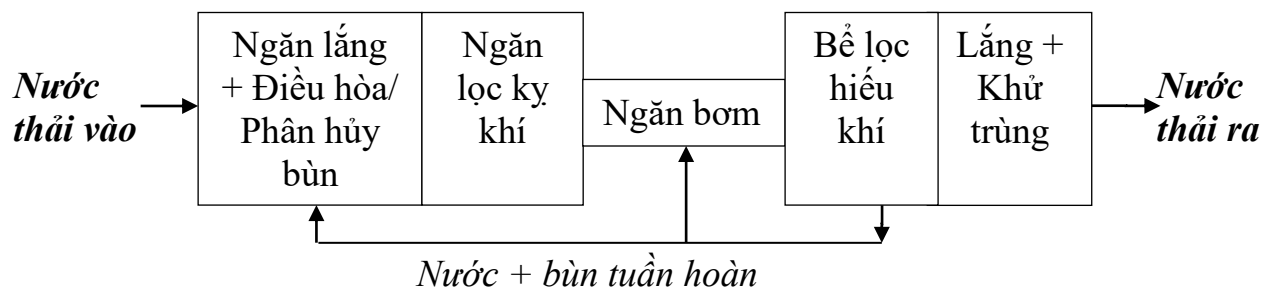
- Nước thải nhà tắm, rửa lưu lượng $1,04 \text{ m}^3 \rightarrow$ Tách rác thô $\rightarrow$ Đường ống nhựa PVC D110 $\rightarrow$ Modul Bastafat-F công suất $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải dội vệ sinh lưu lượng $1,04\text{m}^3 \rightarrow$ Xử lý sơ bộ qua 2 bể tự hoại 3 ngăn thể tích $9\text{m}^3/\text{bể}$ (Kích thước $L \times W \times H = 3,0 \times 2,0 \times 1,5\text{m}$) đặt ngầm dưới mỗi nhà vệ sinh $\rightarrow$ Modul Bastafat-F công suất $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải nhà bếp lưu lượng $1,32\text{m}^3 \rightarrow$ Bể tách dầu mỡ thể tích $1 \text{ m}^3 \rightarrow$ Modul Bastafat-F công suất $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Modul Bastafat-F công suất $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt ngầm ở phía Tây Nam. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Tuyến mương hiện trạng dọc tuyến đường ĐH HH17 $\rightarrow$ sông Đàng (điểm xả có tọa độ $X = 2198707, Y = 591042$).

Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite như sau:



4.2.2. Về bụi, khí thải

- Phun tưới nước làm ẩm mặt đường khu vực dự án trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên dự án theo quy hoạch.

- Trang bị thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, gồm:

+ Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám $\rightarrow$ Chụp hút di động $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Ống dẫn bụi $\rightarrow$ Thiết bị lọc bụi túi vải Dr. Clean Air. Định kỳ 1 ngày/lần công nhân vệ sinh môi trường giữ túi vải để đảm bảo hiệu quả hoạt động của thiết bị. Thu gom toàn bộ lượng bụi đưa về kho chứa chất thải công nghiệp của dự án.

+ Khí thải từ công đoạn phun sơn $\rightarrow$ Chụp hút (đặt cạnh thiết bị sơn) $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Ống dẫn khí D76 $\rightarrow$ Tháp hấp phụ (sử dụng vật liệu hấp phụ than hoạt tính) $\rightarrow$ Ống thoát khí cao 15m.

- Khu vực nhà bếp trang bị thiết bị hút, lọc khói bếp có kích thước: dài 1,5m x rộng 0,8m, mùi, khí thải được hút theo hệ thống đường ống dẫn khí sau đó được thải ra ngoài tại độ cao 5m.

- Tại các bãi tập kết rác thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 06 thùng chứa rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy tại sân đường nội bộ; 6 thùng đựng rác loại 5-10 lít/thùng có nắp đậy tại nhà điều hành, nhà ăn, nhà xưởng, nhà kho. Hàng ngày, rác thải được tập kết vào 3 thùng rác (loại 240 lít/thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong kho chứa chất thải rắn (bố trí cạnh bãi đỗ xe phía Bắc dự án); gồm 01 thùng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; 01 thùng chứa chất thải thực phẩm; 01 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác).

b. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải từ khu kinh doanh vật liệu xây dựng: Thu gom đưa về khu chứa chất thải diện tích 12 m² nằm phía Bắc dự án, cạnh nhà để xe.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, hút bùn bể tự hoại, HTXLNT công suất 5 m³/ngày đêm. Chủ đầu tư thuê đơn vị chức năng định kỳ 3 tháng 1 lần nạo vét, hạn chế ách tắc dòng chảy.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 6 thùng chứa rác thải nguy hại thể tích 50 lít/thùng đặt tại khu chứa chất thải nguy hại, xung quanh khu vực chứa CTNH được bao quanh bằng tôn sóng mạ Zinxalum 0,47mm. Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý định kỳ 1 năm/lần.

4.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
1	Khu tập kết chất thải rắn-CTNH		
-	Thùng đựng chất thải rắn dung tích 50l	cái	06
	Thùng đựng chất thải rắn dung tích 5 - 10 lít	cái	06
-	Thùng đựng chất thải rắn dung tích 240 lít	cái	03
-	Thùng đựng rác thải nguy hại 50 lít	cái	06
2	Hệ thống xử lý nước thải		
-	Bể tự hoại 9m ³ /bể (KT: DxRxH = 3,0 x 2,0 x 1,5m)	bể	2
-	Bể tách dầu mỡ 1,0 m ³ (KT:DxRxH = 1,0x1,0x1,0m).	bể	1
-	Thiết bị xử lý nước thải hợp khối bằng vật liệu Composite công suất 5m ³ /ngày.đêm	Thiết bị	1
3	Hệ thống xử lý khí thải		
	Lắp đặt hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải sản xuất	Hệ thống	2
	Lắp đặt quạt hút mùi trong bếp nấu	cái	1

5. Các điều kiện có liên quan về môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các - thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.